

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Dương Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** (Không tham gia)

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà I, đường V, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà I, đường V, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Địa chỉ liên lạc: số nhà B, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông Huỳnh Văn C đăng ký kết hôn ngày 19/6/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, sống ly thân đã 03 năm do mâu thuẫn trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm

lẫn nhau. Bà N nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với ông C.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Nhã Nguyên T, sinh ngày 10/11/2006; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 22/7/2014 đang do ông C nuôi dưỡng. Bà N đồng ý tiếp tục giao ông C nuôi dưỡng hai con chung, cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bà N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà N trong quá trình tiến hành tố tụng cùng các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/3/2023, ông Huỳnh Văn C trình bày:

Thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày là đúng. Ông C đồng ý thuận tình ly hôn với bà N.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Nhã Nguyên T, sinh ngày 10/11/2006; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 22/7/2014 đang do ông C nuôi dưỡng. Ông C đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, đồng ý bà N cấp dưỡng con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Ông C đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông C1 tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn cùng đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là người có quyền khởi kiện ông C tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn, bị đơn cùng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà N và ông C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V vào ngày 19/6/2006. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm lẫn nhau. Ông C trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc bà N ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

[3] Bà N, ông C có hai con chung tên Huỳnh Nhã Nguyên T, sinh ngày 10/11/2006; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 22/7/2014 đang do ông C nuôi dưỡng.

Huỳnh Nhã Nguyên T, Huỳnh Tuấn K cũng có ý kiến trình bày tiếp tục sống với cha là ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của bà N, ông C về việc bà N giao ông C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, bà N cấp dưỡng hai con chung mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Án phí: Buộc bà N nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim N.

- Công nhận bà Đặng Thị Kim N và ông Huỳnh Văn C ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Đặng Thị Kim N buộc phải giao ông Huỳnh Văn C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh Nhã Nguyên T, sinh ngày 10/11/2006; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 22/7/2014. Bà Đặng Thị Kim N buộc phải cấp dưỡng hai con chung mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/con/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Đặng Thị Kim N nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng con chung, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001852 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà Đặng Thị Kim N còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND phường C, TPVL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

